

Bản án số: 25/2022/DS-ST  
Ngày: 16 – 11 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Minh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Sơn và ông Nguyễn Văn Học

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Dũng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng P**

*Địa chỉ:* Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Mipeco, số 229 T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L – Phó giám đốc chi nhánh Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: **Ông Trần Văn D** – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt).

**2. Bị đơn: Ông Dương Văn Th, sinh năm 1968 (Vắng mặt)**

**Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 (Đã chết)**

*Địa chỉ:* Điều trú tại xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội

**3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S:**

**- Anh Dương Mạnh H, sinh năm 1991 (Con ông Th, bà S) (Vắng mặt)**

**- Anh Dương Văn Ng, sinh năm 1993 (Con ông Th, bà S) (Vắng mặt)**

*Địa chỉ:* Thôn 2, xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 10/10/2014, Ngân hàng P cùng ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S đã ký hợp đồng tín dụng số 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014; Khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 với nội dung: Số tiền cho vay: 300.000.0000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền sửa chữa nhà; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất: 12%/năm, điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng P.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Th, bà S đã dùng tài sản của gia đình để thế chấp. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số thửa đất số 571; tờ bản đồ số 1; Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 608716 do Ủy ban nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho hộ ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S.

Tính đến ngày 15/7/2021, dư nợ của ông Th, bà S là 545.231.279đ, trong đó nợ gốc là 285.000.000đ, nợ lãi là: 260.231.279đ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, gia đình ông Th, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng P đã nhiều lần làm việc với phía bị đơn để yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ. Phía bị đơn đã nhiều lần cam kết trả nợ tuy nhiên đều không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng quyết định khởi kiện ông Th, bà S ra Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- + Buộc ông Th, bà S thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/7/2021, là 545.231.279đ, trong đó nợ gốc là 285.000.000đ, nợ lãi là: 260.231.279đ;

- + Buộc bị đơn thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014; Khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 đã ký kết với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

- + Trong trường hợp gia đình ông Th, bà S không thanh toán được, đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 571; tờ bản đồ số 1; Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội để thu hồi khoản nợ cho ngân hàng.

Về phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn thứ nhất trong vụ án là ông Dương Văn Th thường xuyên vắng nhà, không đến Tòa án để làm việc mặc dù Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án không lấy được lời khai của ông Th. Ông Th cũng không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản đến Tòa án.

Quá trình xác minh ở địa phương thể hiện: Bị đơn thứ hai trong vụ án là bà Nguyễn Thị S đã chết ngày 28/7/2017. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là trích lục khai tử của bà Nguyễn Thị S tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội và xác minh những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S để đưa vào tham gia tố tụng.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị S trong vụ án là anh Dương Mạnh H, anh Dương Văn Ng (Con ông Th, bà S) trình bày: Năm 2014, gia đình ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S có vay tiền của ngân hàng P, khi vay thì gia đình ông Th, bà S đã thế chấp tài sản là đất, nhà của gia đình tại Thôn 2, xã Ph. Thực tế, gia đình đã sử dụng số tiền vay để chạy chữa bệnh ung thư cho bà S. Năm 2017, bà S (vợ ông Th), chị L (vợ anh H) đều chết vì bệnh ung thư nên gia đình lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn. Kể từ đó trên thửa đất đã thế chấp để vay vốn ngân hàng P chỉ còn ông Th, anh H và anh Ng sinh sống. Khi thế chấp đất nhà có ông Th, bà S, anh H, anh Ng đã ký vào hợp đồng thế chấp. Trong thời gian vừa qua, gia đình các anh có nhận được giấy triệu tập và các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi đến, tuy nhiên do công việc bận nên ông Th không thể đến tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày, dư nợ của ông Th, bà S tạm tính đến ngày 04/11/2022 như sau:

Nợ gốc: 300.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 126.794.263đ

Nợ lãi quá hạn: 233.574.546đ

Nợ lãi chậm trả: 124.999.584đ

Tổng cộng: 785.368.393đ.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu về phần nợ lãi chậm trả và giữ nguyên các yêu cầu khác. Tổng số tiền yêu cầu tính đến ngày 04/11/2022 là 660.368.809đ.

Nguyên đơn giải trình về việc ban đầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc là 285.000.000đ nhưng sau lại yêu cầu 300.000.000đ là do:

Số tiền 15.000.000đ mà bị đơn đã thanh toán: đây là một khoản đã thu dự phòng rủi ro trước khi ngân hàng P khởi kiện khách hàng Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S. Khoản thu này thực hiện căn cứ quy định theo Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số: 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Sửa đổi bổ sung số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và chi tiết tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/1/2013 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam với các quy định như sau:

- Theo khoản 3 điều 3 quy định về Giải thích từ ngữ: “*Dự phòng rủi ro* là số tiền được trích lập và hạch toán vào chi phí hoạt động để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung”.

- Quy định cụ thể của Tổ chức tín dụng về sử dụng dự phòng rủi ro sẽ thực hiện theo Điều 6 quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro; Điều 12 mục 2 chương 2 quy định về mức trích lập dự phòng cụ thể phải trích đối với từng khách hàng được tính theo công thức và mục 3 chương 2 quy định về sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

- Quy định tại điều 19 mục 4 về Quản lý nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro.

Như vậy, khoản thu 15.000.000 VNĐ tháng 06/2016 là khoản ngân hàng P sử dụng tiền để xử lý rủi ro nhằm giảm nợ xấu, không phải là khoản ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S trả. ngân hàng P vẫn phải quản lý, theo dõi các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện và báo cáo theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý và giải quyết vụ án thẩm quyền. Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Do nguyên đơn xin rút yêu cầu về phần nợ lãi chậm trả nên chấp nhận.

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P, buộc ông Dương Văn Th và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S phải thanh toán trả Ngân hàng P các khoản sau:

Nợ gốc: 300.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 126.794.263đ

Nợ lãi quá hạn: 233.574.546đ

Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Đề nghị trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng, buộc ông Dương Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 30; Điểm b, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ.

- Về thủ tục tố tụng:

Do bà Nguyễn Thị S là bị đơn đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Dương Mạnh H và anh Dương Văn Ng (là con đẻ của bà S).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần theo quy định tại điều 196; Điều 208; Điều 220, 233 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy Hợp đồng tín dụng số 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014 và Khế ước nhận nợ số: 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 được ký kết giữa Ngân hàng P và ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị S là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng số 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014, Ngân hàng P đã giải ngân cho ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị S số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 13/10/2014; mục đích vay: Thanh toán tiền sửa chữa nhà; lãi suất 12%/năm thay đổi 3 tháng một lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ theo quy định theo từng thời kỳ nhưng không thấp hơn lãi suất tối thiểu đối với khách hàng cá nhân theo quy định Ngân hàng P; phương thức trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 26 của tháng được thỏa thuận cụ thể tại Khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày 13/10/2014.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S trả nợ, ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng P đã gửi Thông báo khởi kiện cho ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S, khởi kiện ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P. Song ông Th, bà S không trả được khoản tiền nào. Vì vậy, Ngân hàng P khởi kiện ông Th, bà S ra Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về khoản nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng số 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014 và khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày

13/10/2014 số tiền nợ gốc ban đầu đã giải ngân xác định là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng),

Theo giải trình của nguyên đơn thì bị đơn chưa thanh toán được đồng nào tiền gốc. Số tiền đã thu 15.000.000đ là tiền thu quỹ trích lập, xử lý dự phòng rủi ro, không phải là tiền gốc khách hàng trả nợ theo hợp đồng.

Tuy nhiên, theo sổ phụ khoản vay thì số tiền gốc còn lại được thể hiện là 285.000.000đ. Mặt khác, theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn từ khi khởi kiện đến trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản nợ gốc là 285.000.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn giải trình số tiền đã thu là thu quỹ trích lập, dự phòng rủi ro nhưng nguyên đơn không giải thích được tại sao trong sổ phụ khoản vay lại thể hiện số tiền đó được trừ vào tiền gốc của khách hàng mà không thu thành quỹ riêng. Xét yêu cầu về tiền gốc của nguyên đơn tại phiên tòa là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền gốc 300.000.000đ mà chỉ chấp nhận số tiền gốc là 285.000.000đ theo đơn khởi kiện, bản tự khai, sổ phụ khoản vay và các tài liệu khác.

Vì vậy cần buộc ông Th, anh H, anh Ng phải trả cho Ngân hàng P số tiền gốc là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

[4]. Về lãi suất: Tại Khế ước nhận nợ số: 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 12%/năm phương thức áp dụng thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của Ngân hàng P hoặc điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Xét thấy việc thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước nên cần được chấp nhận.

Theo nguyên đơn trình bày, tuy số tiền nợ gốc vẫn còn nguyên như ban đầu là 300.000.000đ nhưng do lỗi của cán bộ đã trừ số tiền thu quỹ trích lập vào tiền gốc của khách hàng trên hệ thống nên số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là vẫn tính trên số tiền gốc 285.000.000đ.

Tính đến ngày 04/11/2022, khoản lãi theo Hợp đồng tín dụng 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014 và Khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 là:

Nợ lãi trong hạn: 126.794.263đ

Nợ lãi quá hạn: 233.574.546đ

Vậy, cần buộc ông Dương Văn Th anh Dương Mạnh H và anh Dương Văn Ng phải thanh toán cho Ngân hàng P số tiền lãi trên. Ngoài ra ông Dương Văn Th, anh Dương Mạnh H và anh Dương Văn Ng còn phải thanh toán lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 17/11/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Riêng đối với khoản tiền lãi chậm trả lãi, nguyên đơn đã rút yêu cầu. Việc rút yêu

cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản vay trên, hộ ông Th, bà S đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 571; tờ bản đồ số 1; diện tích 190m<sup>2</sup>, Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 608716, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận GCN: H02516 do UBND huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho Hộ ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S. Các bên có ký hợp đồng thế chấp với đủ các thành viên trong hộ gia đình ký và được công chứng tại phòng Công chứng số 4 TP Hà Nội vào ngày 10/4/2014, số công chứng 5862.2014/HĐTC quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD. Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, TP Hà Nội ngày 13/10/2014 theo đúng quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự.

Hợp đồng thế chấp có các điều khoản thỏa thuận rõ ràng, được xác lập đúng trình tự, nội dung không trái pháp luật nên có hiệu lực. Do vậy, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hộ ông Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Khi đó, những người đang sinh sống trên đất phải rời đi để bàn giao tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Dương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải thanh toán.

Hoàn trả Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 290, 302, 305, 351, 355, 471, 474, 716 và Điều 719 của Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điều 35; khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng P về phần tiền nợ lãi phạt chậm trả là 124.999.584đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P:

Buộc ông Dương Văn Th và các anh Dương Mạnh H, Dương Văn Ng phải trả cho Ngân hàng P số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014 và Khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 tính đến ngày 04/11/2022 là:

Nợ gốc: 285.000.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn: 126.794.263đ (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng);

Nợ lãi quá hạn: 233.574.546đ (Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng);

Tổng: 645.368.809đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm linh chín đồng).

2. Kể từ ngày 17/11/2022, ông Dương Văn Th và các anh Dương Mạnh H, Dương Văn Ng còn phải trả cho Ngân hàng P tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 106.14.0924/HĐTD/TH-TN/PGBHN ngày 10/10/2014 và Khế ước nhận nợ số 01/NN/2014 ngày 13/10/2014 đối với dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

3. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Th, anh H, anh Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 571; tờ bản đồ số 1; diện tích 190m<sup>2</sup>, Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 608716, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận GCN: H02516 do UBND huyện P, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho hộ ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị S.

Khi đó, những người đang sinh sống trên đất phải bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng, ông Th, anh H, anh Ng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay.

Khi ông Th, anh H, anh Ng tất toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng P phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Dương Văn Th.

5. Về án phí: Buộc ông Dương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 29.814.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng)

Hoàn trả lại Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.904.625đ (Mười hai triệu chín trăm linh bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu



tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040143 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Minh Loan**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

